

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/DS - ST

Ngày 23 - 4 - 2024

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bế Văn Toàn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mạnh

2. Bà Hà Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cum'gar;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà
Trần Thị Mỹ Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm
công khai vụ án dân sự thụ lý số: 366/2023/TLST - DS ngày 05/12/2023, về việc
“*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
17/2024/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng H.

Địa chỉ: A N, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T, chức vụ: Phó Giám đốc chi
nhánh Đ.

Địa chỉ: G L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông T: Ông Nguyễn Thanh S, chức vụ
Trưởng phòng (Có mặt tại phiên tòa);

Địa chỉ: F H, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

* **Bị đơn:** Ông Phan Xuân G, sinh năm 1984 và Bà Trần Thị D, sinh năm 1990
(Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Đại diện ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Thanh S trình bày:**

Ngày 18 tháng 04 năm 2019, Phòng G1 - Ngân hàng H chi nhánh Đ ký hợp đồng tín dụng với khách hàng, cụ thể như sau:

- Họ tên người vay ông Phan Xuân G
- Hợp đồng tín dụng số: TD51800086 ký ngày 18/04/2019.
- Số tiền vay 80.000.000 đ (T1 mươi triệu đồng chẵn).
- Thời hạn vay : 36 tháng. Từ ngày 18/04/2019 đến ngày 18/04/2022.
- Lãi suất : 11,50%/năm. Lãi suất cho vay quá hạn bằng 150% lãi suất cho trong hạn.

Kỳ trả nợ đầu tiên : 18/05/2019, kỳ trả nợ cuối cùng: 18/04/2022.

Phương thức cho vay từng lần: Trả đều hàng tháng, mỗi tháng trả 2.220.000 đồng, tháng cuối cùng trả số tiền là: 2.300.000 đồng. Lãi được trả cùng với nợ gốc được tính theo phương pháp tích số, hạn trả cuối cùng ngày 18/04/2022.

- Mục đích sử dụng vốn vay: Sửa chữa nhà ở.

Hợp đồng tín dụng nêu trên được Giám đốc Trung Tâm Y Tế Huyện C, tỉnh Đắk Lắk và Ban ký xác nhận.

Sau khi đã hoàn tất các thủ tục vay vốn và đã nhận tiền vay tại Phòng giao dịch số 02 Ngân hàng H chi nhánh Đ, khi món vay có dấu hiệu bị quá hạn nợ gốc và lãi. Đại diện ngân hàng đã nhiều lần gọi điện, gặp gỡ, lập biên bản xử lý nợ đòi với ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D nhưng ông G, bà D đã có biểu hiện tránh trách nhiệm, không hợp tác với ngân hàng trong việc trả nợ.

- Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng đã ký kết thì ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D đã vi phạm các Điều khoản trong Hợp đồng. Vì vậy Ngân hàng Hợp tác chi nhánh DakLak - Phòng giao dịch số 2 đã chuyển nợ quá hạn khoản vay trên và áp dụng mức lãi suất quá hạn là: 17.25%/năm kể từ ngày: 19/05/2019. Tuy nhiên, ngày 02/02/2024 ông G đã trả được 20.000.000đ tiền gốc, nên tiền gốc còn 27.790.000đ và 24.624.834đ tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng cộng: 52.414.834đ.

Để đảm bảo quyền lợi, Ngân hàng H đề nghị tòa giải quyết:

Buộc ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D trả số tiền 27.790.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24.624.834đ, tổng cộng: 52.414.834đ (Năm mươi hai triệu bốn trăm mười bốn nghìn, tám trăm ba mươi bốn đồng). Tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến ngày ông G, bà D trả hết nợ gốc.

*** Bị đơn ông Phan Xuân G vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông G trình bày:**

Tôi có vay tiền của Ngân hàng H Chi nhánh Đ với số tiền là 80.000.000 đồng như Ngân hàng trình bày, với mục đích là sửa chữa nhà ở, thời hạn vay là 03 năm, lãi suất 11%/năm. Đến nay tôi đã trả được 32.210.000đ tiền vay gốc và còn nợ lại 47.790.000đ tiền gốc và tiền lãi. Ngày 02/02/2024 tôi có trả thêm được 20.000.000đ tiền vay gốc cho Ngân hàng, nên tôi còn nợ tiền vay gốc là 27.790.000đ và tiền lãi.

Tôi hẹn đến ngày 31/3/2024 tôi sẽ trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Tuy nhiên, đến nay tôi chưa trả được hết khoản vay là do hoàn cảnh gia đình tôi khó khăn sống nhờ vào lương, bản thân phải nuôi hai con nhỏ.

* *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà **Trần Thị D** mặc dù được tòa án triệu tập nhưng bà **D** vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.*

* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS;

+ Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS;

+ Bị đơn đã chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 72, BLTTDS;

+ Về giải quyết vụ án đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ và lãi suất như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: TAND huyện Cư M'gar xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn cư trú tại **huyện C, tỉnh Đắk Lắk**. Do vậy, TAND huyện Cư M'gar áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông **Phan Xuân G** và bà **Trần Thị D** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét về nội dung vụ án: Ngày 18/4/2019, giữa **Ngân hàng H** và ông **G**, bà **D** ký kết Hợp đồng tín dụng số: TD51800086 ký tại **Phòng G1 - Ngân hàng H Chi nhánh D** để ông **G**, bà **D** vay số tiền: 80.000.000đ; Mục đích sử dụng vốn vay: Sửa chữa nhà ở.

- Thời hạn vay: 36 tháng. Từ ngày 18/04/2019 đến ngày 18/04/2022.

- Lãi suất: 11,50%/năm. Lãi suất cho vay quá hạn bằng 150% lãi suất cho trong hạn. Kỳ trả nợ đầu tiên: 18/05/2019, kỳ trả nợ cuối cùng: 18/04/2022.

Phương thức cho vay từng lần: Trả đều hàng tháng, mỗi tháng trả 2.220.000 đồng, tháng cuối cùng trả số tiền là: 2.300.000 đồng. Lãi được trả cùng với nợ gốc được tính theo phương pháp tích số, hạn trả cuối cùng ngày 18/04/2022.

Hợp đồng tín dụng nêu trên được Giám đốc Trung tâm y tế huyện C, tỉnh Đắk Lắk và Ban chấp hành Công đoàn Trung tâm y tế huyện C ký xác nhận.

Xét hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không trả được nợ cho Ngân hàng theo thời gian ký kết trong hợp đồng tín dụng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Ngày 02/02/2024 ông G trả thêm được 20.000.000đ tiền vay gốc cho Ngân hàng, còn nợ tiền vay gốc là 27.790.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24.624.834đ, tổng cộng: 52.414.834đ. Đến nay ông G và bà D chưa trả hết số tiền vay trên là vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên cần Buộc ông G và bà D có trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ và lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng Hợp tác xã.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Ngân hàng H.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức: $52.414.834đ \times 5\% = 2.621.000đ$ (Đã làm tròn).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

[1]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng H. Buộc bị đơn ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng H số tiền vay gốc là 27.790.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24.624.834đ, tổng cộng: 52.414.834đ. (Năm mươi hai triệu bốn trăm mười bốn nghìn, tám trăm ba mươi bốn đồng. Tiếp tục tính nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D trả hết nợ cho Ngân hàng H.

[2] Về án phí: Ông Phan Xuân G và bà Trần Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.621.000đ (Đã làm tròn). Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng H

1.731.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0014767 ngày 29/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Bế Văn Toàn